

Tài chính cá nhân là một vấn đề còn khá mới mẻ tại Việt Nam. Bài nghiên cứu đo lường mức độ hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên thông qua dữ liệu sơ cấp từ bảng câu hỏi thu thập được của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội như: ĐH Kinh tế - ĐHQGHN, ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Công nghệ - ĐHQGHN... Sau khi tính điểm hiểu biết cho từng cá nhân và phân loại các mức điểm, nghiên cứu đưa ra được kết quả hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên trên địa bàn Hà Nội đang ở mức độ trung bình - kém. Nghiên cứu sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM để kiểm tra ảnh hưởng của các yếu tố về nhân khẩu học như ngành học, năm học, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập của bố mẹ... đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Kết quả xác định rằng trình độ học vấn và thu nhập của bố mẹ có ảnh hưởng đến hiểu biết về các sản phẩm, dịch vụ tài chính của sinh viên.

1. Giới thiệu

Hiểu biết tài chính là khả năng sử dụng kiến thức và kỹ năng tài chính để quản lý nguồn lực tài chính một cách hiệu quả. Hiểu biết tài chính giúp các cá nhân và hộ gia đình hoạch định ngân sách để chi tiêu, tiết kiệm, đề phòng cho những rủi ro và lập kế hoạch tương lai cho cuộc sống. Không chỉ vậy, hiểu biết tài chính còn mang ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao hiệu

ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI HIỂU BIẾT TÀI CHÍNH CÁ NHÂN CỦA SINH VIÊN

TS. Đinh Thị Thanh Vân *
Nguyễn Thị Huệ *



Kỹ năng quản lý tài chính từ khi còn là sinh viên có liên quan trực tiếp đến kỹ năng quản lý tài chính sau này của mỗi người, bên cạnh đó, trong tương lai gần họ chính là thế hệ sẽ tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu trong xã hội, quyết định sự phát triển của nền kinh tế quốc gia

quả hoạt động của thị trường tài chính và sự phát triển bền vững của toàn xã hội.

Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2013), nhận thức tài chính của người dân về hình thức cho vay cá nhân còn rất thấp, chỉ 51% số người được hỏi đã nghe và hiểu về cụm từ cho vay khách hàng cá nhân. Một cuộc khảo sát ở 7 trường trung học của Thành phố Hồ Chí Minh với đối tượng học sinh từ 13 - 18 tuổi (2012, 2013) thu được kết quả như sau: chỉ có 17,2% số học sinh biết tiết kiệm và chi tiêu một phần tiền có được, 8,8% chi tiêu toàn bộ số tiền có được và số còn lại không biết tiêu tiền hoặc tiết kiệm. Trong cuộc điều tra của OECD (2012), Việt Nam xếp thứ 26 trong 28 nước, đứng trên Indonesia và Pakistan. 33% số người được khảo sát ở Việt Nam không lập ngân sách để quản lý thu nhập và chi tiêu (OECD, 2014). Thực trạng cho

thấy hiểu biết tài chính của người dân Việt Nam nói chung đang ở mức thấp. Với sinh viên, hiện nay chưa có nghiên cứu nào quan tâm đặc biệt đến đối tượng này trong khi họ là những người dễ chịu tổn thương tài chính nhất. Ở độ tuổi trưởng thành, nhất là khi bước vào môi trường học tập mới xa gia đình, quãng thời gian sinh viên chính là lúc mỗi người học cách chủ động hơn trong cuộc sống của chính mình. Một trong những vấn đề không thể tránh khỏi đối với mỗi sinh viên đó là vấn đề về quản lý tài chính khi bắt đầu được cầm tiền và tự quyết định tiêu chúng thế nào. Kỹ năng quản lý tài chính từ khi còn là sinh viên có liên quan trực tiếp đến kỹ năng quản lý tài chính sau này của mỗi người. Bên cạnh đó, trong tương lai gần họ chính là thế hệ sẽ tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu trong xã hội, quyết định sự phát triển của nền kinh tế quốc gia.

* Khoa Tài chính Ngân hàng,
Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN

Với thực tiễn như vậy, nhưng kỹ năng quản lý tài chính hiện nay vẫn chưa được giảng dạy ở bất kỳ trường học nào của Việt Nam. Đây là một đáng ngại lớn đối với nền kinh tế nước nhà, khi mà thế hệ trẻ nắm giữ tương lai của đất nước hoàn toàn không được trang bị đủ các kiến thức tài chính tối thiểu để có thể kiểm soát được cuộc sống của họ.

Nhận thức được thực trạng thiếu hiểu biết tài chính của sinh viên, song, các nghiên cứu hiện nay về vấn đề này ở Việt Nam chưa được quan tâm. Một số nghiên cứu chỉ xác định được mức độ hiểu biết tài chính của người dân mà chưa đánh giá được các nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hiểu biết tài chính để đưa ra được các khuyến nghị phù hợp và thiết thực với cơ quan chức năng. Trước tình hình này, nghiên cứu đi vào đo lường hiểu biết tài chính và đánh giá các nhân tố trong và nhân tố ngoài có ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết đó của sinh viên.

2. Cơ sở lý thuyết về hiểu biết tài chính và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về hiểu biết tài chính

Tài chính là một phạm trù kinh tế, tồn tại khách quan và mang tính lịch sử. Tài chính chỉ ra đời và tồn tại trong những điều kiện kinh tế xã hội nhất định. Những điều kiện kinh tế xã hội này là những tiền đề khách quan cho sự ra đời và phát triển tài chính. Những tiền đề đó là nền kinh tế hàng hóa – tiền tệ và nhà nước. Tài chính cũng có thể được hiểu

là một lĩnh vực khoa học nghiên cứu quản lý tiền tệ. Một trong những điểm mấu chốt của tài chính là giá trị của tiền tệ theo thời gian. Tài chính nhằm vào việc định giá các tài sản dựa vào mức độ rủi ro và lợi nhuận kỳ vọng của các tài sản đó. Tài chính có thể được chia thành ba nhóm chính: tài chính công, tài chính doanh nghiệp và tài chính cá nhân.

Tài chính cá nhân là việc quản lý chi tiêu, sử dụng tiền bạc và của cải của các cá thể hoặc hộ gia đình với các kế hoạch tương lai và một mức độ rủi ro đã lường trước. Tài chính cá nhân cũng là các quyết định tài chính, các hoạt động liên quan tới tài chính bao gồm lập ngân sách, tiết kiệm, bảo hiểm, đầu tư, hưu trí và thừa kế.

Hiện nay, các tổ chức uy tín trên thế giới đã đưa ra nhiều khái niệm về hiểu biết tài chính khác nhau. Bài viết xin giới thiệu một số định nghĩa hiểu biết tài chính ở các tổ chức như sau (Bảng 1)

Việc đo lường hiểu biết tài chính trong bài viết được dựa trên cơ sở lý thuyết của World Bank. Năm 2013, World Bank đã đưa ra bộ câu hỏi nhằm đo lường năng lực tài chính dựa trên 4 khía cạnh: kiến thức tài chính, hành vi tài chính, kỹ năng tài chính và thái độ tài chính. (Bảng 2)

Tham khảo cách thức thực hiện của World Bank, nghiên cứu tiến hành đo lường hiểu biết tài chính của sinh viên qua 3 khía cạnh: Kiến thức tài chính, Kỹ năng tài chính và Hành vi tài chính, trong đó phần Thái

độ ảnh hưởng đến việc ra quyết định được gộp chung vào phần Hành vi tài chính do nội dung ở hai phần này có những điểm tương đồng với nhau.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu sơ cấp được thu thập từ sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội trong thời gian gian từ ngày 26/2/2016 đến ngày 6/3/2016 tại các trường: ĐH Kinh tế - ĐHQGHN, ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Bách khoa, ĐH Công nghệ - ĐHQGHN, ĐH Xây dựng...

Chi tiết số phiếu khảo sát thu về như sau: (Bảng 3)

2.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Đối với phần đo lường hiểu biết tài chính, nghiên cứu tiến hành tính điểm hiểu biết tài chính của mỗi sinh viên ở các khía cạnh kiến thức tài chính, kỹ năng tài chính và hành vi tài chính với tổng điểm tối đa là 300 điểm, từ đó phân loại và đánh giá mức độ hiểu biết tài chính:

- Trên 200 điểm: sinh viên có hiểu biết khá - tốt về tài chính.
- 150 - 200 điểm: sinh viên có mức độ hiểu biết tài chính trung bình.
- Dưới 150: điểm sinh viên có mức độ hiểu biết kém.

Với phần đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính, nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với mô hình cấu trúc tuyến tính (Structural Equation Modelling - SEM) để phân tích

mối tương quan giữa các nhân tố trong và nhân tố ngoài với hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên.

2.2.3. Mô hình nghiên cứu

Hiểu biết tài chính cá nhân được thể hiện thông qua kiến thức tài chính, hành vi tài chính và kỹ năng tài chính. Các biến sử dụng trong các nghiên cứu trước được tóm tắt ở bảng dưới đây: (Bảng 4)

Dựa trên cơ sở các nghiên cứu trước, nghiên cứu đưa ra mô hình đề xuất như sau: (Hình 1)

Các nhân tố bên trong bao gồm giới tính, ngành học, năm học, trình độ học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ, thu nhập của bố mẹ, sinh viên đã từng đi làm thêm hay có thu nhập từ nguồn nào chưa. Các nhân tố bên ngoài gồm các yếu tố về dân tộc và hộ khẩu thường trú của sinh viên.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý thuyết đã trình bày, nghiên cứu tiến hành tính điểm hiểu biết tài chính của mỗi cá nhân. Kết quả thu được như sau: (Bảng 5)

Có thể thấy trên biểu đồ, số lượng sinh viên ở các mức điểm chênh lệch nhau khá nhiều. Mức điểm trên 200 điểm có số lượng sinh viên đạt được thấp nhất (chỉ chiếm 13% số người trả lời). Trong khi đó, số điểm từ 200 trở xuống chiếm tỷ trọng lớn nhất với 57% và 35% số sinh viên trả lời đạt mức điểm dưới 150 điểm. Đa số sinh viên đạt mức điểm dưới 200 điểm. Như vậy, có thể kết luận mức độ hiểu biết về tài chính cá nhân của sinh viên trên

Bảng 1: Định nghĩa về hiểu biết tài chính

Tổ chức	Định nghĩa	Nguồn
AU (Australian Unity)	Là sự hiểu biết của một cá nhân về khái niệm tài chính và các sự lựa chọn tài chính trong bối cảnh tình hình kinh tế cá nhân của họ, kết hợp với hành vi và khả năng sử dụng kiến thức tài chính để đạt được mức độ phúc lợi tài chính mong muốn.	Bản phác thảo đo lường chất lượng cuộc sống và hiểu biết tài chính của AU (2014)
ANZ	Là khả năng đánh giá và đưa ra quyết định đúng đắn về việc sử dụng và quản lý tiền bạc. Bên cạnh đó cũng chính là sự kết hợp giữa kỹ năng, kiến thức, thái độ và cuối cùng là hành vi của họ đối với tiền bạc.	ANZ (2011)
OECD	Là sự kết hợp của nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi thiết yếu để đưa ra quyết định tài chính hiệu quả; cuối cùng đạt được mức độ cao về hiểu biết tài chính cá nhân.	OECD (2012)
Văn phòng quản lý chỉ tiêu Chính phủ Hoa Kỳ (GAO)	Là khả năng đưa ra những đánh giá đúng đắn và việc sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính trong hiện tại và tương lai để quản lý tiền bạc.	Văn phòng quản lý chỉ tiêu Chính phủ Hoa Kỳ (2012)
FINRA	Là những hiểu biết căn bản của các nhà đầu tư về các nguyên lý, công cụ, tổ chức và điều luật của thị trường.	FINRA (2003)
JumpStart	Là khả năng sử dụng kiến thức và kỹ năng để điều khiển nguồn lực tài chính một cách hiệu quả cho sự đảm bảo về tài chính trong cuộc đời.	Hội liên hiệp JumpStart về hiểu biết tài chính cá nhân
Chính phủ Úc (ASIC)	Là sự hiểu biết về tiền bạc và các khái niệm tài chính; và khả năng sử dụng kiến thức đó để đưa ra quyết định tài chính một cách hiệu quả.	Chính phủ Úc (2014)

Nguồn: Australian Unity

Bảng 2: Các khía cạnh đo lường năng lực hành vi tài chính

Kiến thức tài chính	Hành vi tài chính	Kỹ năng tài chính	Thái độ ảnh hưởng đến quyết định tài chính
- Kiến thức về các khái niệm tài chính cơ bản (lạm phát, lãi suất kép,...) - Nhận biết các sản phẩm và dịch vụ tài chính - Các kỹ năng tài chính cơ bản (thanh toán, mở tài khoản)	- Quản lý tiền bạc hàng ngày - Lập kế hoạch dài hạn - Đưa ra các quyết định tài chính (khả năng lựa chọn các sản phẩm tài chính phù hợp) - Tìm kiếm dịch vụ tư vấn tài chính	- Kỹ năng đọc viết - Kỹ năng tính toán	- Thái độ với tiết kiệm - Thái độ với tương lai - Sự tự tin với các kế hoạch khi về hưu - Xu hướng tiết kiệm, cho vay

Nguồn: World Bank (2013)

Bảng 3: Số phiếu khảo sát phát ra và thu về

Hình thức thu thập	Tổng số phiếu phát ra	Tổng số phiếu thu về	Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ	Số phiếu hợp lệ (%)
Phiếu online	123 phiếu	123 phiếu	110 phiếu	13 phiếu	89%
Phiếu offline	210 phiếu	210 phiếu	180 phiếu	30 phiếu	86%

Bảng 4: Các biến được sử dụng trong các nghiên cứu trước

Tác giả	Biến sử dụng		Nghiên cứu trước đó	Mục đích
	Biến phụ thuộc	Biến độc lập		
Alexandra Luksander và cộng sự	Hiểu biết tài chính	Dân tộc, giới tính, nơi ở, hộ khẩu, học vấn của bố mẹ, số năm đã học tại trường đại học	Analysis of the Factors that Influence the Financial Literacy of Young People Studying in Higher Education (2014)	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính
Mohamad Falzi Sabri và cộng sự	Mức độ hiểu biết tài chính cá nhân	Dân tộc, giới tính, nơi ở, hộ khẩu, học vấn của bố mẹ, số năm đã học tại trường đại học, kinh nghiệm tài chính	Childhood consumer experience and the financial literacy of college students in Malaysia (2010)	
Mohamad Falzi Sabri và cộng sự	Hiểu biết tài chính	Giới tính, nơi ở, hộ khẩu, điểm GPA, tiết kiệm, dân tộc, nghề nghiệp và học vấn của bố mẹ	Financial well-being of Malaysian college students (2012)	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính
Emma Floyd	Hiểu biết tài chính	Năm học, tình trạng hôn nhân, tuổi, ngành học, giới tính, học vấn của bố mẹ	Measuring Financial Literacy: A comparative study across two collegiate groups (2015)	

địa bàn Hà Nội đang ở mức độ trung bình - kém

Sau khi loại bỏ các biến không phù hợp từ kiểm định nhân tố khám phá - EFA và nhân tố khẳng định - CFA, mô hình chỉ còn biến nhân tố trong và các biến kiến thức tài chính, kỹ năng tài chính và hành vi tài chính. Nghiên cứu đã tiến hành kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính - SEM với các biến trên, thu được kết quả như sau: (Bảng 6)

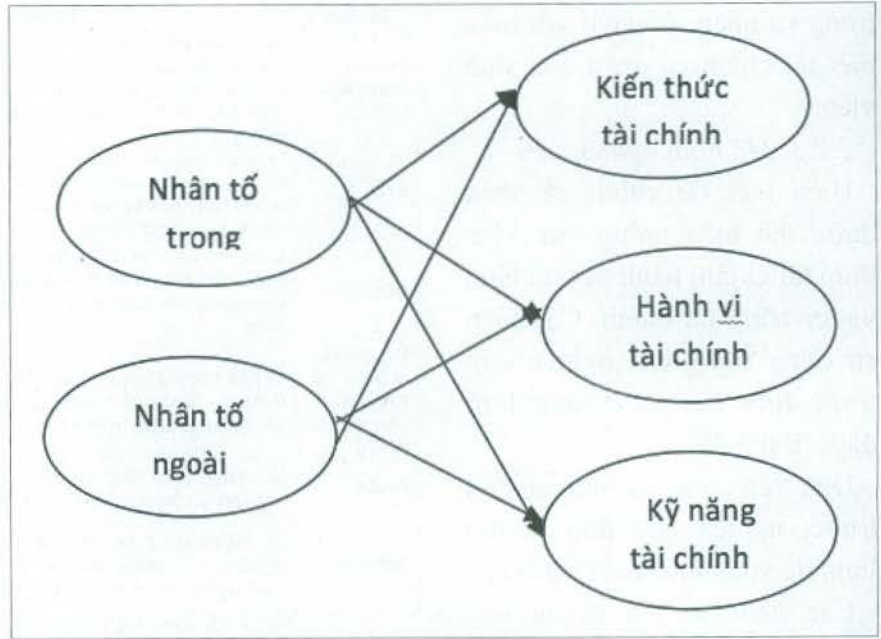
Với tiêu chuẩn chỉ số $\chi^2/df < 3$; $AGFI > 0.8$; $GFI, TLI, CFI > 0.9$ và $RMSEA < 0.06$, kiểm định SEM đều đưa ra các giá trị phù hợp. (Bảng 7)

(Các biến KT4, KT7, KT8, KT10 đều thuộc nhóm Kiến thức tài chính; các nhân tố trong bao gồm các biến trình độ học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ sinh viên)

Giá trị ước lượng giữa các biến KT4, KT7, KT8 và KT10 với biến NTT đều lớn hơn 0, giá trị xác suất ở các cặp biến nhỏ hơn 0,05 cho thấy sự phù hợp của các cặp biến này. Tuy nhiên, phân tích dữ liệu chưa đạt được kết quả như giả thuyết nghiên cứu đưa ra. Theo đó, giả thuyết 2 như sau: các nhân tố trong và nhân tố ngoài có ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên. Kết quả nghiên cứu mới chỉ làm sáng tỏ được một phần của giả thuyết nghiên cứu, các nhân tố trong khác như ngành học, năm học của sinh viên hay thu nhập của bố mẹ và các nhân tố ngoài không ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên.

Như vậy, các yếu tố trình độ

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Bảng 5: Kết quả tính điểm hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn Hà Nội

Mức điểm	Số lượng	%	Mức độ hiểu biết
Trên 200 điểm	38	13	Khả - Tốt
150 - 200 điểm	157	52	Trung bình
Dưới 150 điểm	105	35	Kém

Bảng 6: Kết quả phân tích SEM

Các chỉ số đánh giá	Kết quả độ phù hợp
$\chi^2(df)$	375.009(199)
χ^2/df	1.884
P	0.000
GFI	0.908
AGFI	0.872
TLI	0.919
CFI	0.936
RMSEA	0.054

Bảng 7: Kết quả kiểm định các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính sau khi loại bỏ các biến có giá trị xác suất lớn hơn 0.05

Mối quan hệ	Estimate	S.E	C.R	p
KT4 <--- NTT	.109	.042	2.581	.010
KT8 <--- NTT	.210	.044	4.764	.000
KT7 <--- NTT	.194	.044	4.374	.000
KT10 <--- NTT	.103	.042	2.449	.004

học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ có ảnh hưởng đến kiến thức tài chính của sinh viên, cụ thể là các kiến thức về việc sử dụng các sản phẩm tài chính.

3.2. Thảo luận kết quả

Kết quả tính điểm hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn Hà Nội cho thấy mức độ hiểu biết của sinh viên ở khu vực đang ở mức độ trung bình kém với 87% số người trả lời có

tổng điểm dưới 200 điểm. Kết quả này phù hợp với kết quả khảo sát sinh viên tại Trường đại học phía Nam Mississippi trong nghiên cứu của Emma Floyd (2014) hay nghiên cứu của Nidar and Bestari (2012) tại Trường đại học Padjadjaran của Indonesia. Cả hai nghiên cứu này cũng đưa ra kết luận rằng mức độ hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên ở mức độ thấp.

Nghiên cứu của John Murphy và cộng sự (2014) không tập trung vào đối tượng sinh viên, nghiên cứu này tiến hành đo lường mức độ hiểu biết tài chính của người dân nói chung. Kết quả đo lường cũng đưa ra kết quả hiểu biết tài chính thấp của người dân tại Mỹ. Nghiên cứu diện rộng của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế vào năm 2014 cũng cho thấy hiểu biết tài chính của người Việt Nam ở mức độ thấp, xếp thứ 26 trong 28 quốc gia được xếp hạng. Trong so sánh với 5 nước Đông Nam Á¹ năm 2013, Việt Nam xếp thứ 3 đồng hạng với Indonesia, sau Singapore và Thái Lan (MasterCard, 2014). Phân tích của Mastercard (2014) cũng cho thấy độ hiểu sâu của người dân Việt Nam rất thấp, đứng sau tất cả các nước được khảo sát.

Trình độ học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ có ảnh hưởng đến các kiến thức về sản phẩm, dịch vụ tài chính của sinh viên. Đó cũng là kết quả trong nghiên cứu của Mohamad Falzi Sabri và cộng sự (2012) và nghiên cứu của Emma Floyd (2015). Tuy nhiên, trong nghiên cứu của các tác giả trên, ngoài nhân tố tác động là trình độ học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ sinh viên còn có các nhân tố khác ảnh hưởng đến kiến thức tài chính như: năm học, ngành học và hộ khẩu của sinh viên. Trình độ học vấn của bố mẹ ảnh hưởng tới kiến thức tài chính của sinh viên là kết quả trong nghiên cứu của Alexandra Luksander và cộng sự (2014) và Mohamad Falzi Sabri và cộng sự (2010).

Như vậy, trong so sánh với các nghiên cứu trước, kết quả bài viết đưa ra là phù hợp.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Sau quá trình phân tích dữ liệu, kiểm định các giả thuyết, nghiên cứu rút ra được các kết luận như sau: Hiểu biết tài chính của sinh viên trên địa bàn Hà Nội đang ở mức độ trung bình - kém với 87% số người được hỏi có số điểm hiểu biết dưới 200 điểm; trình độ học vấn và nghề nghiệp của bố mẹ có ảnh hưởng đến kiến thức về các sản phẩm, dịch vụ tài chính của sinh viên.

Nghiên cứu này còn gặp khó khăn ở việc thu thập số liệu. Với 300 câu trả lời của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, kết quả nghiên cứu chưa mang tính đại diện cho sinh viên cả nước. Nghiên cứu tiếp theo sẽ mở rộng số lượng mẫu cũng như phạm vi khảo sát để khắc phục hạn chế này. Thêm vào đó là việc nâng cao chất lượng câu trả lời nhằm tăng thêm tính chính xác cho kết quả nghiên cứu.

4.2. Khuyến nghị

4.2.1. Hàm ý với sinh viên

Để cải thiện mức độ hiểu biết tài chính, sinh viên cần hiểu được tầm quan trọng của tài chính cá nhân không chỉ với bản thân mà còn với tổng thể nền kinh tế quốc dân. Nắm được vai trò này, sinh viên sẽ có được ý thức chủ động học hỏi các kiến thức, kỹ năng về kinh tế, từ đó nâng cao hiểu biết tài chính của chính mình.

- Với sinh viên các ngành kinh tế: Ngoài việc nắm vững, hiểu rõ

các kiến thức trên giảng đường, sinh viên cần tự giác tìm hiểu thêm các kiến thức thực tiễn, các hiện tượng tài chính trên thế giới.

- Đối với sinh viên ngoài kinh tế, mặc dù không trực tiếp được giáo dục các kiến thức, kỹ năng về tài chính song không nên vì thế mà bỏ qua, không tự học hỏi bởi tài chính cá nhân là vấn đề gắn liền với bản thân mỗi người. Để đưa ra được quyết định tài chính đúng đắn, sinh viên cần có các kiến thức, kỹ năng cơ bản về tài chính, đồng thời biết dự định, tính toán, lên kế hoạch cho tương lai.

Ngoài ra, sinh viên nên tham gia các cuộc thi hay trải nghiệm các sản phẩm - dịch vụ về tài chính. Sinh viên có thể đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua kênh đầu tư ảo trên các trang web như: vietstock.vn, chungkhoanviet.vn, hoclamgiau.vn, vnstockgame.com... Việc sử dụng các phần mềm quản lý tài chính cá nhân như: phần mềm MONEY MANAGEMENT hay tiện ích sổ thu chi MISA cũng được khuyến khích.

4.2.2. Hàm ý với nhà trường

Nghiên cứu của Sharon Taylor (2011) đã đưa ra kinh nghiệm giải quyết vấn đề thiếu hiểu biết tài chính cá nhân ở các quốc gia như Úc, New Zealand, Mỹ... Kinh nghiệm ở các nước đều cho thấy giáo dục đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân của học sinh, sinh viên. Hiện nay, ở các trường học của Việt Nam, các kiến thức và kỹ năng về tài chính cá nhân chưa chính

thức được giảng dạy trong bất cứ một môn học nào. Vì vậy, giải pháp lúc này là cần đưa việc đào tạo các kiến thức, kỹ năng cần thiết về tài chính cá nhân vào chương trình giáo dục nhằm trang bị các kiến thức cơ bản cho học sinh, sinh viên. Để làm được việc này, thầy cô giáo các trường cần được bồi dưỡng các kiến thức cũng như các phương pháp giảng dạy cho môn học tài chính cá nhân. Cần có sự liên kết giữa nhiều trường học với nhau nhằm xây dựng nên khung chương trình đào tạo hợp lý cho việc giảng dạy môn học này.

4.2.3. Hàm ý chính sách

Chính phủ Việt Nam cần ban hành các chủ trương, chính sách nhằm tuyên truyền vai trò của tài chính cá nhân cũng như khuyến khích người dân tự nâng cao ý thức tài chính của chính mình. Chúng ta có thể học tập kinh nghiệm từ các quốc gia Anh, Mỹ, Úc - các quốc gia đã từng có những nỗ lực trong việc nâng cao hiểu biết tài chính của người dân bằng việc thiết lập các trang web nhằm giáo dục kiến thức tài chính.

Bên cạnh việc tuyên truyền (Larry Orton, 2007), nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các trường học trên cả nước đào tạo môn học về tài chính cá nhân, nghiên cứu xin được kiến nghị với nhà nước và các cơ quan đầu ngành ban hành các quy định, luật lệ để giáo viên các trường dễ dàng thực hiện; cử các đại diện đi học hỏi kinh nghiệm giảng dạy từ nước ngoài, mời cố vấn, chuyên gia tư vấn từ các nước đã có kinh nghiệm về nâng cao hiểu

biết tài chính cá nhân cho người dân như Mỹ, Singapore hay New Zealand... Sự chấp thuận và ủng hộ từ nhà nước chính là động lực cho cán bộ, giáo viên học hỏi và truyền đạt tốt các kiến thức về tài chính cá nhân. ■

¹Bao gồm các nước Việt Nam, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Abu Baker et al. (2006). Knowledge, Attitude and Perceptions of University Students towards Educational Loans in Malaysia.

Abu Baker et al và Cộng sự. (2006). Knowledge, Attitude and Perceptions of University Students towards Educational Loans in Malaysia. *Journal of Family & Economic Issues*, 27, 692-701.

Altaf, N. (2014). Measuring The Level Of Financial Literacy Among Management Graduates . *Abhinav National Monthly Refereed Journal Of Research In Commerce And Management*.

Angela Hung và cộng sự. (2009). Defining and Measuring Financial Literacy.

Annamaria Lusardi . (2014). The Economic Importance of Financial Literacy: Theory and Evidence. *Journal of Economic Literature*, 5-44.

Australian Unity. (2014). Financial Wellbeing Questionnaire design and validation.

Bharat Singh Thapha. (2015). Financial Literacy in Nepal: A survey analysis from college students.

Clercq et al. (2009). Factors Influencing a Prospective Chartered.

Daniel Fernandes và cộng sự. (2014). Financial Literacy, Financial Education and Downstream Financial Behaviors.

Đinh Thị Thanh Vân và Lê Trung Thành. (2015). Phát triển dịch vụ tài chính cá nhân: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Dorjana Nano, S. C. (2011). The Differences in Students' Financial Literacy based on Financial Education. *Academicus- International Scientific Journal*, 149 - 160.

Dr. Taqadus Bashir và cộng sự. (2013). Financial Literacy and Influence of Psychological Factors. *European Scientific Journal*, 384-404.

Floyd, E. (2015). Measuring Financial Literacy: A comparative study across two collegiate groups.

Hoàng Trọng. (2005). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. NXB Thống kê.

Jinsoo Hahn và cộng sự. (2013). Financial Literacy of Korean High School Students.

John J. Usera. (202). Personal Financial Literacy: A National Needs Assessment.

John Murphy và Cộng sự. (2014). Financial Literacy Among American Indians and Alaska Natives. *Research and Statistics Note*.

JumpStart Coalition. (2014). About the JumpStart Coalition for Personal Financial. Retrieved from <http://www.jumpstart.org/about-us.html>

Kashif Arif. (2015). Financial Literacy and

other Factors Influencing Individuals' Investment Decision: Evidence from a Developing Economy. *Journal of Poverty, Investment and Development*, 74-84.

Larry Orton. (2007). *Financial Literacy: Lessons from International Experience*.

Llewellyn, T. R. (2012). Financial Literacy of College Students and the Need for Compulsory Financial Education.

Mandell, L. (2008). Financial Literacy of High School Students. *Handbook of Consumer Finance Research*, 163-183.

Mohamad Fazli Fazli Sabri. (2011). Pathways to financial success: Determinants of financial literacy and financial well-being among young adults.

Murphy, J. (2005). An Exploratory Study on the Financial Literacy of Black College Students. *College Students Journal*, 93(3), 478-488.

Naoyuki Yoshino và cộng sự. (2015). Financial Education in Asia: Assessment and Recommendations.

Nguyễn Khánh Duy. (2009). Thực hành mô hình cấu trúc tuyến tính SEM với phần mềm AMOS. Retrieved from <http://doc.edu.vn/tai-lieu/bai-giang-thuc-hanh-mo-hinh-cau-truc-tuyen-tinh-sem-voi-phan-mem-amos-27969/>

Nidar và Bestari. (2012). Personal Financial Literacy Among University Students.

NoorAzizah Shaari và Cộng sự. (2013). Financial Literacy: A study among university students. *Interdisciplinary Journal Of Contemporary Research In Business*, 279-299.

OECD. (2015). Measuring Financial Literacy: Questionnaires and Guidance Notes for Conducting an Internationally Comparable Survey of Financial Literacy.

Paola Bongini và cộng sự. (2012). Measuring Financial Literacy Among Students: An Application of Rasch Analysis. *Electronic Journal of Applied Statistical Analysis*, 425-430.

Paola Bongini và Cộng sự. (2012). Measuring Financial Literacy among Students: An Application of Rasch Analysis.

Princeton Survey Research Associates International. (2008). *Financial Literacy Survey*.

Scheresberg, C. d. (2013). Financial Literacy And Financial Behavior Among Young Adults: Evidence And Implications.

Sharon Taylor, S. W. (2011). The Solution to the Financial Literacy Problem: What is the Answer? 69 - 89.

Thapa, B. S. (2015). Financial literacy in Nepal: A survey analysis from college student. *NRB Economic Review*.

Thọ, PGS.TS Nguyễn Đình. (2014). Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. NXB Lao động Xã hội.

Tysya Roz Llewellyn. (2012). Financial Literacy of College Students and the Need for Compulsory Financial Education.

World Bank. (2013). Measuring Financial Capability: questionnaires and implementation guidance for low and middle- income countries.